TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **01**/2026/HNGĐ – ST
Ngày 07/01/2026.
Về việc: Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thanh Nga
2. Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 272/2025/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Kim H**, sinh năm 1968.

Căn cước công dân số: 079168000889 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/12/2021.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B Xóm C, khu phố C, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Nhà không số, hẻm D, khu phố A, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Hà Quốc K**, sinh năm 1965.

Căn cước công dân số: 064065003332 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/9/2023.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B Xóm C, khu phố C, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi thực tế cư trú: Số B Xóm C, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Cả hai đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại bản tự khai; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H trình bày: Bà và ông Hà Quốc K tự nguyện quen biết và chung sống cùng nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1993, (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 023/1993 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D (nay là Phường

K), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 5 năm 1993).

Quá trình chung sống do cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp vì vậy đến năm 2010 bà H đã làm đơn xin ly hôn với ông K lần thứ nhất tại Tòa án nhân dân Quận 4 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi được Tòa án hòa giải thì bà H1 đã rút lại hồ sơ xin ly hôn với ông K (đính kèm Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án năm 2010) để vợ chồng đoàn tụ trở về chung sống lại với nhau, tuy nhiên sau khi đoàn tụ vợ chồng thì giữa ông bà không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, do hai bên không còn tình cảm nên cả hai đã chính thức sống ly thân nhau được hơn một năm (tính đến thời điểm bà H nộp đơn khởi kiện ly hôn lần thứ hai tại Tòa án), hiện bà H đang thực tế cư trú ở xã N, Thành phố Hồ Chí Minh (có đăng ký tạm trú tại địa phương). Còn ông K thì vẫn ở Quận D (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh để chăm sóc cho mẹ của ông K. Do nhận thấy vợ chồng đều đã lớn tuổi, không thể hòa hợp nhau về mọi mặt nên ly hôn là cách tốt nhất để trả tự do cho nhau nên bà Đỗ Thị Kim H đã nộp đơn xin ly hơn với ông Hà Quốc K, tại các buổi làm việc và hòa giải tại Tòa án, bà H vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Hà Quốc K để ổn định cuộc sống riêng.

– Về con chung: Quá trình chung sống bà H xác nhận giữa bà và ông K có với nhau 01 (một) người con chung đã thành niên tên là Hà Minh T, sinh ngày 26/9/1995.

– Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Quốc K trình bày: Ông và bà Đỗ Thị Kim H tự nguyện quen biết và chung sống cùng nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh như lời của bà H trình bày. Theo ông K thì quá trình sống chung thì vợ chồng vẫn sống tốt, mâu thuẫn vợ chồng chỉ phát sinh khoảng 02 (hai) đến 03 (ba) năm nay, nhưng ông K không đồng ý ly hôn với bà H.

– Về con chung: Ông K xác nhận quá trình chung sống với bà H, ông bà có với nhau 01 (một) người con chung đã thành niên tên là Hà Minh T, sinh ngày 26/9/1995.

– Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác nhận giữa ông và bà H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H và bị đơn ông Hà Quốc K đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, hai bên đương sự vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày trên.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến như sau:

– Về thẩm quyền: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H và bị đơn ông Hà Quốc K, do ông K có địa chỉ nơi cư trú và hiện thực tế đang cư trú trên địa bàn của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

– Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Trong quá trình giải quyết Thẩm phán đã thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tiến hành theo đúng quy định tại Điều 97, Điều 98 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự; thực hiện đúng và đầy đủ việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định tại các Điều 170, Điều 175, Điều 177, Điều 178, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự; thực hiện đúng về thủ tục lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại Điều 205, Điều 208, Điều 209 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự; thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 220, Điều 222, Điều 223, Điều 239, Điều 249 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

– Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

– Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 và Nghị Quyết số: 01/2024/NQ – HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim H được ly hôn với ông Hà Quốc K.

+ Về con chung: Con chung đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung – Nợ chung: Cả hai xác nhận không có và không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Hà Quốc K tại Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về thông tin nơi cư trú của bị đơn ông Hà Quốc K, kết quả xác minh như sau: "Đương sự Hà Quốc K có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số B Xóm C, khu phố C, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ: Số B Xóm C, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh". Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày

01/7/2025, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Xét, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H và bị đơn ông Hà Quốc K có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa nên vắng mặt tại phiên tòa xét xử hôm nay, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, Hội đồng xét xử quyết định mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Hà Quốc K vì cho rằng hai bên có mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm và đoàn tụ vợ chồng được, bà H đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông K lần thứ nhất vào năm 2010 tại Tòa án nhưng sau đó bà H rút lại đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ hàn gắn tình cảm, tuy nhiên quá trình chung sống lại với nhau thì vợ chồng vẫn không hạnh phúc, nguyên nhân chính do hai bên có nhiều bất về đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn với nhau về mọi mặt. Hiện ông bà đã sống ly thân nhau nên vợ chồng hoàn toàn không còn tình cảm, không có khả năng để hòa giải đoàn tụ vợ chồng được, vì vậy bà Đỗ Thị Kim H yêu cầu được ly hôn với ông Hà Quốc K để cả hai ổn định cuộc sống riêng còn ông Hà Quốc K thì không đồng ý ly hôn với bà Đỗ Thị Kim H nhưng không đưa ra biện pháp nào để đoàn tụ vợ chồng được, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

– Về quan hệ hôn nhân giữa các đương sự: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Giấy chứng nhận kết hôn số: 023/1993 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D (nay là phường K), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/5/1993, đã thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Kim H và ông Hà Quốc K là hợp pháp.

Xét, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H có đơn khởi kiện và yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Hà Quốc K, lý do quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, hai bên có nhiều bất đồng về quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân nhau từ lâu nên vợ chồng không có khả năng để hòa giải đoàn tụ, bà Hoa cương Q ly hôn với ông K nhằm ổn định cuộc sống riêng. Căn cứ Phiếu xác minh số: 219/2025/PXM ngày 21/11/2025 và Công an Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời kết quả như sau: "Ông Hà Quốc K có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số B Xóm C, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện thực tế đang cư trú tại địa chỉ: Số B Xóm C, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh"; căn cứ Giấy xác nhận thông tin về cư trú số: 001344/XN do Công an xã N, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 29/8/2025 có nội dung như sau: "Bà Đỗ Thị Kim H có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số B Xóm C, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện bà H có đăng ký tạm trú và đang thực tế cư trú tại: Nhà không số, hẻm D, khu phố A, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh", điều đó thể hiện giữa bà Đỗ Thị Kim H và ông Hà Quốc K 0không còn thực tế chung sống với nhau. Ngoài ra, Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của đương sự tại Ủy ban nhân dân phường K, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi mà bà H và ông K từng có thời gian chung sống với nhau thì kết quả trả lời như sau: "Cả hai đương sự chưa nộp đơn yêu cầu địa phương hòa giải liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng"; căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 44/2010/QĐST – HNGĐ ngày

25/3/2010 của Tòa án nhân dân Quận 4 (nay là: Tòa án nhân dân Khu vực 1), Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện nội dung do bà Đỗ Thị Kim H có đơn rút lại yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Hà Quốc K vào năm 2010 nên vụ án ly hôn đã được đình chỉ giải quyết, tuy nhiên quá trình trở về chung sống lại cùng nhau do hai bên vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H mới tiếp tục nộp đơn ly hôn lần thứ hai đối với ông Hà Quốc K tại Tòa án, từ những chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Kim H và ông Hà Quốc K có mâu thuẫn, hiện hai bên đã sống ly thân nhau, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng bà Đỗ Thị Kim H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và mong muốn được ly hôn với ông Hà Quốc K; còn bị đơn ông Hà Quốc K không đồng ý ly hôn với bà Đỗ Thị Kim H nhưng ông K không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn được tình cảm vợ chồng, ông K và bà H đều thừa nhận hiện cả hai đã sống ly thân nhau. Điều đó thể hiện rõ quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Kim H và ông Hà Quốc K là có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 và Nghị Quyết số: 01/2024/NQ – HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H, đồng ý cho bà Đỗ Thị Kim H được ly hôn với ông Hà Quốc K là phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa xét xử vụ án.

– Về quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị Kim H và ông Hà Quốc K đều xác nhận quá trình chung sống có một người con chung đã thành niên tên là Hà Minh T, sinh ngày 26/9/1995, do con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

– Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Kim H và ông Hà Quốc K cùng xác nhận quá trình chung sống hai bên không có tài sản chung và không có nợ chung nên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung giữa các bên đương sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 thì: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, do đó nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020100 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Đỗ Thị Kim H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị Quyết số: 01/2024/NQ – HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim H được ly hôn với ông Hà Quốc K, (do đó Giấy chứng nhận kết hôn số: 023/1993 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D (nay là Phường K), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 5 năm 1993 không còn hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung – Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020100 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Đỗ Thị Kim H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện KSND TP. HCM;
- Viện KSND KV1, TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Phòng THADS KV1, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Thúy

TAND KHU VỰC 1



WZG070126.TL.QDBA
8398